TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/DS - PT

Ngày 27 - 9 - 2023

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phi Long

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Khánh Vân

Ông Lương Văn Đài

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/9/2023 và ngày 27/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2023/TLPT-DS ngày 18/8/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐ-PT ngày 28/8/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 640/2023/QĐ-PT ngày 15/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị H

Địa chỉ: Số nhà 010, đường L, tổ 26, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D

Địa chỉ: Số nhà 214, đường N, tổ 7, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Do có quan hệ quen biết vào ngày 22/12/2022 bà H có cho bà Nguyễn Thị D vay số tiền là 220.000.000 đồng với thời hạn là 03 tháng từ ngày 22/12/2022 đến ngày 22/3/2023. Giấy vay tiền do bà D viết và ký tên, có ghi tên chồng là Nguyễn Hồng T nhưng mọi giao dịch nhận tiền và viết giấy vay tiền đều do bà D đứng ra chịu trách nhiệm, ông T không có mặt tham gia vay bà số tiền trên, trong giấy vay không có thoả thuận về lãi suất. Đến thời hạn trả nợ mặc dù bà H đã nhiều lần gọi điện yêu cầu nhưng bà D không trả tiền. Đến nay bà Đặng Thị H đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 22/12/2022 đến ngày 22/3/2023 theo quy định của pháp luật: 220.000.000 đồng x 3 tháng x 20% = 10.800.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 230.800.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên bà D có vay của bà Đặng Thị H 03 lần số tiền là 300.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 31/10/2021 vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi 6.000.000đồng/tháng

Lần 2: Ngày 09/12/2021 vay 50.000.000 đồng, lãi 3.000.000 đồng/tháng

Lần 3: Vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi 9.000.000 đồng/tháng

Tổng một tháng bà phải trả lãi là 18.000.000 đồng, số tiền đã trả cho bà H tiền lãi tổng là 152.000.000 đồng, ngày 11/3/2023 bà vẫn trả cho bà H 2.500.000đồng. Tổng số tiền bà vay bà H là 300.000.000 đồng, đã trả gốc vào ngày 10/8/2022 là 27.000.000 đồng; ngày 12/8/2022 là 23.000.000 đồng; ngày 22/9/2022 là 32.000.000 đồng. Tổng 3 lần trả gốc là 82.000.000 đồng, cộng chốt lại bà còn nợ bà H 218.000.000 đồng, trừ 152.000.000 bà đã trả lãi cho bà H. Đến nay bà chỉ nhất trí trả cho bà H số tiền còn lại là 68.000.000 đồng và xin trả cho bà H dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng và không nhất trí trả lãi số tiền 10.8000.000đồng mà bà H yêu cầu.

Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H: Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Đặng Thị H số tiền gốc đã vay là 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*),

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H về việc yêu cầu tính lãi đối với bà Nguyễn Thị D là 6.991.781 đồng.

Tổng cộng buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Đặng Thị H cả gốc và lãi là 226.991.781 đồng (*Hai trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi mốt nghìn, bảy trăm tám mươi mốt đồng*)

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 16/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 09/QĐ/KNPT-VKS-DS kháng nghị đối với bản án sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn bà Đặng Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn bà Nguyễn Thị D giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai thay đổi một phần nội dung kháng nghị về việc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 284, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, sửa Bản án dân sơ thẩm của TAND thành phố L theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H, khấu trừ một phần số tiền bị đơn bà Nguyễn Thị D đã trả vào số tiền phải trả cho bà H; Tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai được ban hành trong thời hạn, có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 279, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự là căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai:

[2.1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị D có đề nghị Tòa án khấu trừ số tiền lãi đã trả cho bà Đặng Thị H là 152.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi hai triệu đồng)* vào số tiền gốc còn nợ và chỉ nhất trí trả số tiền nợ gốc 68.000.000 đồng *(Sáu mươi tám triệu đồng)*, không nhất trí trả tiền lãi 10.800.000đồng *(Mười triệu tám trăm nghìn đồng)* theo yêu cầu của nguyên đơn. Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai cho rằng yêu cầu của bà D là yêu cầu phản tố, việc Tòa án sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn để giải quyết trong vụ án là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "*Yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được chấp nhận khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

a) Yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập;

b) Yêu cầu phản tố được chấp nhận dẫn đến loại trừ việc chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập;

c) Giữa yêu cầu phản tố và yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có sự liên quan với nhau và nếu được giải quyết trong cùng một vụ án thì làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác và nhanh hơn."

Theo Đơn khởi kiện bà Đặng Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị D phải trả số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 22/12/2022 và tiền lãi đến ngày 22/3/2023 là 10.800.000 đồng. Bị đơn bà D cho rằng bà vay của bà H tổng số nợ gốc là 300.000.000 đồng, đã trả được 82.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi 152.000.000 đồng nhưng cho rằng tiền lãi phải trả là quá cao, trái quy định của pháp luật nên đề nghị được khấu trừ vào số tiền gốc còn phải trả. Xét thấy, đối với đề nghị của bị đơn bà D về việc khấu trừ số tiền lãi vào số nợ gốc còn phải trả cho bà H là ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chứ không phải yêu cầu phản tố theo quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án sơ thẩm không thụ lý đề nghị của bị đơn bà D theo trình tự, thủ tục thụ lý yêu cầu phản tố là phù hợp, đề nghị này được xem xét trong quá trình giải quyết vụ án.

[2.2] Xét tính hợp pháp của Giấy vay tiền ngày 22/12/2022 giữa bà Đặng Thị H và bà Nguyễn Thị D:

Nguyên đơn bà H cho rằng do có quan hệ quen biết nên ngày 22/12/2022 bà có cho bà D vay số tiền 220.000.000 đồng *(Hai trăm hai mươi triệu đồng)*, thời hạn vay là 03 tháng, đến ngày 22/3/2023. Giữa hai bên có làm Giấy vay tiền do bà D viết và ký tên.

Bị đơn bà D cho rằng có vay tiền của bà H 03 lần với tổng số tiền: 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)*, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 31/10/2021 vay 100.000.000đồng,

- Lần 2: Ngày 09/12/2021 vay 50.000.000 đồng,

- Lần 3: Ngày 10/01/2022 vay 150.000.000 đồng.

Sau khi vay bà D đã trả cho bà H số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng, còn lại là 220.000.000 đồng. Giấy vay tiền ngày 22/12/2022 là giấy chốt lại số nợ của 03 lần vay trước đó chứ không phải khoản vay mới. Quá trình giải quyết vụ án, bà D có cung cấp bản photo các Giấy vay tiền ngày 31/10/2021 vay 100.000.000 đồng, ngày 09/12/2021 vay 50.000.000 đồng, ngày 10/01/2022 vay 150.000.000 đồng nhưng tài liệu không đầy đủ (thể hiện là bản chụp nửa trang cuối của Giấy vay tiền). Sau khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai có Quyết định kháng nghị đã yêu cầu nguyên đơn bà H cung cấp bản gốc các Giấy vay tiền trên. Tại Đơn trình bày đề ngày 23/8/2023 bà H trình bày về việc bà D đã xé bỏ những giấy vay tiền trước nên không có để cung cấp. Vì vậy, không có cơ sở để thu thập bản gốc của các giấy vay tiền này.

Đối với ý kiến của bà D cho rằng đã trả cho bà H số nợ gốc là 80.000.000đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà H thấy rằng: Theo Bản liệt kê giao dịch tài khoản của bà Nguyễn Thị D mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (số tài khoản 19031373706888) trong khoảng thời gian từ 01/12/2021 đến 31/3/2023 (tài liệu do ngân hàng cung cấp) thấy rằng có phát sinh một số giao dịch ghi nội dung trả tiền gốc như sau:

- Ngày 10/8/2022 chuyển số tiền 27.000.000 đồng vào tài khoản của bà H số 37810000070167 có nội dung: *"Dung trả gốc món vay 09/12/2021"*;

- Ngày 12/8/2022 chuyển số tiền 23.000.000 đồng vào tài khoản của bà H số 37810000070167 có nội dung: *"Dung trả tiền vay mùng 9/12/2021 món vay 50tr hết nợ 50tr"*;

- Ngày 22/9/2022 chuyển số tiền 32.000.000 đồng vào tài khoản của bà H số 37810000070167 có nội dung: *"Dung trả 30tr tiền gốc và 2tr tiền lãi"*.

Theo đó, thấy rằng Giấy vay tiền ngày 09/12/2021 giữa bà H với bà D là có thật, số tiền vay 50.000.000 đồng theo giấy này đã được bà D thanh toán hết từ ngày 12/8/2022. Đối với giao dịch trả 30.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000đồng tiền lãi ngày 22/9/2022 không ghi nội dung cụ thể trả cho khoản vay nào nên không có căn cứ xác định. Mặc dù tổng cộng các khoản tiền do bà D trả cho bà H có nội dung trả nợ gốc là 80.000.000 đồng nhưng đây không phải là căn cứ chứng minh về việc Giấy vay tiền ngày 22/12/2022 là giấy chốt nợ của các khoản nợ trước theo lời khai của bà D. Hơn nữa, bà D cho rằng chỉ vay bà H tổng cộng 300.000.000 đồng theo các giấy vay tiền trên nhưng tại giao dịch ngày 21/4/2022 thể hiện chuyển cho bà H số tiền 12.000.000đồng có nội dung *"Dung trả lãi món 200"*, trong khi theo 03 giấy vay tiền bà D trình bày không có khoản vay nào là 200.000.000 đồng.

Đối với tài liệu là Giấy nhận nợ của bà D có nội dung: *"Tôi là Nguyễn Thị D còn nợ tiền lãi của chị Hạnh từ 22/10/2022 đến 22/12/2022: Gốc 220 triệu x 3% = 13.200.000đ"*, xét thấy: Giấy nhận nợ thể hiện khoản nợ gốc 220.000.000 đồng kể từ ngày 22/10/2022, trong khi Giấy vay tiền là đối tượng khởi kiện của vụ án xác lập ngày 22/12/2022. Hơn nữa, theo Giấy nhận nợ trên thì chỉ xác định việc bà D nợ bà H khoản nợ gốc là 220.000.000 đồng và hai bên thỏa thuận về số tiền lãi chứ không chứng minh được khoản tiền này là khoản chốt nợ của các khoản vay trước đó.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/7/2023, nguyên đơn bà H cũng xác nhận về việc lúc đầu bà D vay 300.000.000 đồng, đã trả 80.000.000 đồng, số còn lại 220.000.000 đồng tiến hành chốt bằng giấy vay tiền mặt ngày 22/12/2022, thời hạn là 03 tháng, không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà H khẳng định Giấy vay tiền mặt ngày 22/12/2022 là khoản vay mới, không phải giấy chốt nợ của các khoản vay trước, các khoản vay trước đó giữa bà H với bà D đều đã thanh toán xong, bà H đã đưa giấy vay tiền cho bà D để hủy đi và không có liên quan gì đến khoản vay theo giấy vay ngày 22/12/2022.

Như vậy, việc bà D cho rằng Giấy vay tiền ngày 22/12/2022 là giấy chốt lại các khoản nợ giữa hai bên là không có căn cứ chứng minh. Đối với Giấy vay tiền ngày 22/12/2022 do bà D tự viết và ký tên, bà D cũng thừa nhận còn nợ bà H số tiền 220.000.000 đồng là đúng. Thời điểm viết Giấy vay tiền ngày 22/12/2022 thì bà D có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị lừa dối, ép buộc nên phải tự chịu trách nhiệm về chữ ký, chữ viết của mình. Do đó, Giấy vay tiền ngày 22/12/2022 là hợp pháp theo quy định của pháp luật, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan.

[2.3] Về lãi suất:

Tại Giấy vay tiền ngày 22/12/2022 (bản gốc do bà H giao nộp tại Tòa án) không ghi nội dung thỏa thuận về lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H cho rằng khi thỏa thuận vay tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất và đề nghị Tòa án giải quyết lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà D cho rằng đối với khoản vay ngày 31/10/2021 vay 100.000.000đồng, lãi 6.000.000 đồng/tháng; Khoản vay ngày 09/12/2021 vay 50.000.000 đồng, lãi 3.000.000 đồng/tháng; Khoản vay ngày 10/01/2022 vay 150.000.000 đồng, lãi 9.000.000 đồng/tháng. Bị đơn bà D không cung cấp được chứng cứ chứng minh về thỏa thuận lãi suất như bà trình bày. Theo tài liệu, chứng cứ do bà D cung cấp và tài liệu do Tòa án thu thập tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam là Bản liệt kê giao dịch tài khoản của bà Nguyễn Thị D mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (số tài khoản 19031373706888) trong khoảng thời gian từ 01/12/2021 đến 31/3/2023 thấy rằng các giao dịch trả tiền lãi của bà D cho bà H chủ yếu thực hiện trước thời điểm ngày 22/12/2022 nhưng nội dung giao dịch không ghi cụ thể việc trả lãi cho khoản vay nào, thời gian tính lãi như thế nào nên không có căn cứ xác định lãi suất cụ thể. Do đó, Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai cho rằng bà H cho bà D vay tiền với lãi suất vượt quá lãi suất do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy đinh, vi phạm

quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC là không có căn cứ.

Như vậy, xác định trong vụ án các bên có tranh chấp về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 20%/năm là không có căn cứ. Tòa án sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 xác định mức lãi suất 10%/năm là phù hợp.

[2.4] Về quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Như đã nhận định ở phần trên xác định Giấy vay tiền ngày 22/12/2022 là hợp pháp theo quy định của pháp luật, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan. Nguyên đơn bà H cho rằng sau khi xác lập giao dịch vay tiền bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ về cả nợ gốc và lãi. Đối với ý kiến của bị đơn bà D cho rằng Giấy vay tiền ngày 22/12/2022 là giấy chốt nợ của các khoản vay khác và đề nghị khấu trừ số tiền lãi 152.000.000 đồng đã trả cho bà H vào số nợ gốc là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc bà D phải trả nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật theo Giấy vay tiền ngày 22/12/2022 là có căn cứ.

Tuy nhiên tại Bản liệt kê giao dịch tài khoản của bà Nguyễn Thị D mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (số tài khoản 19031373706888) trong khoảng thời gian từ 01/12/2021 đến 31/3/2023 thấy rằng có một số giao dịch trả tiền giữa bà D với bà H phát sinh sau thời điểm ngày 22/12/2022, cụ thể:

- Ngày 27/12/2022, chuyển số tiền 1.500.000 đồng vào tài khoản của bà H số 37888000895589, nội dung: “Dung chuyển”;

- Ngày 11/01/2023, chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản của bà H số 37888000895589, nội dung: “Dung chuyển lãi”;

- Ngày 21/01/2023, chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào tài khoản của bà H số 37888000895589, nội dung: “Dung ct lãi”;

- Ngày 23/02/2023, chuyển số tiền 2.500.000 đồng vào tài khoản của bà H số 37888000895589, nội dung: “Dung ct lãi”;

- Ngày 11/3/2023, chuyển số tiền 2.500.000 đồng vào tài khoản của bà H số 37888000895589, nội dung: “Dung chuyển”.

Vì vậy, cần xem xét khấu trừ các khoản tiền bà D chuyển cho bà H sau thời điểm ngày 22/12/2022 vào số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo Giấy vay tiền ngày 22/12/2022.

[3] Từ những phân tích trên thấy rằng yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà H là có căn cứ chấp nhận nhưng do sau thời điểm ngày 22/12/2022 bà D đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ cho bà H tổng cộng số tiền 14.500.000đồng, thời gian từ ngày 27/12/2022 đến 11/3/2023. Do đó, cần khấu trừ số tiền này vào tiền nợ gốc và tiền lãi mà bà D phải trả cho bà H theo Giấy vay tiền ngày 22/12/2022, lãi suất tính theo quy định của pháp luật. Cụ thể từ 22/12/2022 đến 11/3/2023 tiền lãi là 220.000.000 đồng x 10%/năm x 79 ngày = 4.761.644 đồng. Do bà D đã chuyển cho bà H tổng số tiền 14.500.000đồng nên sẽ

khấu trừ số tiền còn lại sau khi đã trừ đi số tiền lãi đã trả tính đến 11/3/2023 là 9.738.356 đồng vào số nợ gốc còn phải trả.

Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc bà D có trách nhiệm hoàn trả cho bà H số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng - 9.738.356 đồng = 210.261.644 đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/7/2023 là 210.261.644đồng x 10%/năm x 128 ngày = 7.373.559 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Đặng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền không được chấp nhận; Bị đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà Đặng Thị H theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Đặng Thị H số tiền nợ gốc là 210.261.644 đồng *(Hai trăm mười triệu, hai trăm sáu mươi mốt nghìn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng)* và tiền lãi tính từ ngày 11/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/7/2023 là 7.373.559 đồng *(Bảy triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm năm mươi chín đồng)*, tổng cộng là 217.636.203 đồng *(Hai trăm mười bảy triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm ninh ba đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H đối với số tiền 13.163.797 đồng *(Mười ba triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng)*.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị H phải chịu 658.190 đồng *(Sáu trăm năm mươi tám nghìn một trăm chín mươi đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.770.000 đồng *(Năm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000184 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Trả lại cho bà Đặng Thị H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 5.111.810 đồng *(Năm triệu, một trăm mười một nghìn, tám trăm mười đồng)*.

Bà Nguyễn Thị D phải chịu 10.881.810 đồng *(Mười triệu, tám trăm tám mươi mốt nghìn, tám trăm mười đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Phi Long